



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG

Tuyển sinh 2016 - Đợt 1

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã tỉnh	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN 12	Tổng điểm UT	Điểm XT
1	Đạo Thập	Anh	Nam	04/01/1996	C510301	45	02	1		6.00	1.50	7.50
2	Nguyễn Văn	Anh	Nam	12/10/1997	C510301	30	08	2NT		6.50	1.00	7.50
3	Võ Tấn	Bằng	Nam	14/09/1998	C510205	35	05	2NT		6.10	1.00	7.10
4	Dương Kim	Bảo	Nam	01/09/1998	C510205	42	01	3		7.50	0.00	7.50
5	Nguyễn Duy	Bảo	Nam	03/10/1997	C510201	02	14	3		5.50	0.00	5.50
6	Trần Quốc	Bảo	Nam	04/11/1997	C510205	02	22	2		5.50	0.50	6.00
7	Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	12/11/1994	C510301	02	02	3		6.60	0.00	6.60
8	Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	23/03/1997	C510301	02	02	3		6.60	0.00	6.60
9	Nguyễn Quốc	Chiến	Nam	20/03/1995	C510301	60	07	1	01	6.00	3.50	9.50
10	Phạm Văn	Công	Nam	12/06/1997	C510205	43	03	2NT		7.00	1.00	8.00
11	Bùi Tuấn	Cường	Nam	09/05/1997	C510201	45	01	2		6.70	0.50	7.20
12	Nguyễn Minh	Cường	Nam	17/06/1996	C510205	37	04	2NT		6.50	1.00	7.50
13	Đạo Văn	Đại	Nam	29/08/1995	C510206	45	02	1	01	6.40	3.50	9.90
14	Nguyễn Hữu	Đăng	Nam	09/02/1997	C510205	47	04	2		7.50	0.50	8.00
15	Hồ Tiến	Đạt	Nam	25/09/1997	C510205	02	13	3		7.10	0.00	7.10
16	Phạm Thành	Đạt	Nam	20/08/1995	C510206	47	07	3		6.50	0.00	6.50
17	Nguyễn Viết	Đông	Nam	29/07/1997	C510301	29	14	1		6.00	1.50	7.50
18	Nguyễn Ngọc	Được	Nam	06/03/1997	C510301	47	03	2NT		7.00	1.00	8.00
19	Trần Thanh	Được	Nam	01/08/1997	C510205	37	04	1		5.70	1.50	7.20
20	Trương Khánh	Dương	Nam	07/01/1996	C510301	59	11	3		7.50	0.00	7.50
21	Mai Hồ	Duy	Nam	26/07/1996	C510201	60	06	1		8.00	1.50	9.50
22	Trần Nguyễn Thanh	Duy	Nam	08/07/1997	C510205	54	05	2NT		6.50	1.00	7.50
23	Trương Khánh	Em	Nam	10/01/1998	C510201	02	23	3		7.90	0.00	7.90
24	Tôn Thất Hoàng	Gia	Nam	24/03/2016	C510205	02	06	3	01	6.80	2.00	8.80
25	Nguyễn Thanh	Giàu	Nam	30/09/1997	C510205	47	06	2		7.50	0.50	8.00
26	Tô Ngọc	Hân	Nam	23/10/1998	C510301	45	01	1		6.50	1.50	8.00
27	Trần Anh	Hào	Nam	13/10/1997	C510206	02	14	3		7.00	0.00	7.00
28	Lê Nguyễn Mỹ	Hào	Nữ	24/12/1997	C540204	37	05	2NT		6.50	1.00	7.50
29	Đình Trung	Hậu	Nam	25/05/1998	C510201	47	04	2NT		6.50	1.00	7.50
30	Trần Hào	Hiệp	Nam	18/10/1998	C480201	53	04	2NT		7.90	1.00	8.90
31	Bùi Trung	Hiếu	Nam	04/09/1996	C480201	02	14	3		6.50	0.00	6.50
32	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	Nữ	18/08/1997	C540204	37	03	1		6.50	1.50	8.00
33	Đoàn Vũ Thanh	Hòa	Nam	03/03/1997	C480201	47	06	1		7.50	1.50	9.00
34	Lê Đình	Hòa	Nam	01/01/1995	C510205	43	03	2NT		6.50	1.00	7.50
35	Lê Thanh	Hoài	Nam	15/07/1997	C510205	02	21	2		6.60	0.50	7.10
36	Lê Thanh	Hoài	Nam	15/07/1997	C510206	02	21	2		6.60	0.50	7.10

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã tỉnh	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN 12	Tổng điểm UT	Điểm XT
37	Lê Thanh	Hoài	Nam	15/07/1997	C510201	02	21	2		6.60	0.50	7.10
38	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	21/07/1998	C480201	45	05	1		6.60	1.50	8.10
39	Trần Thị Xuân	Hoàng	Nữ	25/06/1997	C480201	45	03	2NT		6.80	1.00	7.80
40	Vũ Huy	Hoàng	Nam	22/05/1997	C480201	43	03	2NT		7.00	1.00	8.00
41	Vũ Nguyên	Hoàng	Nam	12/01/1993	C510205	02	16	3		6.50	0.00	6.50
42	Lê Văn	Hùng	Nam	22/03/1996	C510201	40	02	1		6.50	1.50	8.00
43	Trần Văn	Hùng	Nam	22/07/1992	C510206	24	06	2NT	03	6.30	3.00	9.30
44	Phan Châu Đạt	Hưng	Nam	26/05/1998	C510205	48	03	1		7.00	1.50	8.50
45	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/06/1997	C540204	40	02	1		7.00	1.50	8.50
46	Lê Điều	Huy	Nam	22/08/1996	C510205	02	14	3		6.00	0.00	6.00
47	Ngô Đình Bảo	Huy	Nam	02/01/1986	C510301	58	08	1		5.50	1.50	7.00
48	Nguyễn Khắc	Huy	Nam	21/09/1997	C510201	02	19	3		7.00	0.00	7.00
49	Nguyễn Văn Quang	Huy	Nam	03/12/1998	C510205	37	06	1		6.50	1.50	8.00
50	Đào Văn	Khái	Nam	08/08/1995	C510301	37	09	1		6.90	1.50	8.40
51	Hồng Thanh	Khan	Nam	15/06/1998	C510205	47	06	2		8.00	0.50	8.50
52	Đình Anh	Khoa	Nam	30/06/1992	C510205	48	03	2NT		5.50	1.00	6.50
53	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	15/10/1997	C480201	47	05	1		6.50	1.50	8.00
54	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	15/10/1997	C510201	47	05	1		6.50	1.50	8.00
55	Nguyễn Hữu	Lai	Nam	15/07/1997	C510205	51	04	2NT		6.50	1.00	7.50
56	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	01/10/1996	C480201	02	19	3		5.00	0.00	5.00
57	Nguyễn Văn	Lập	Nam	04/10/1995	C510201	50	12	2NT		8.00	1.00	9.00
58	Phan Quốc	Lập	Nam	10/11/2016	C480201	45	01	2		6.20	0.50	6.70
59	Phan Thị Mỹ	Liên	Nam	07/08/1996	C540204	35	06	2NT		6.00	1.00	7.00
60	Huỳnh Nhật	Linh	Nam	02/01/1998	C510201	02	07	3		7.70	0.00	7.70
61	Trần Bình	Long	Nam	13/10/1993	C510301	02	21	2		6.50	0.50	7.00
62	Cao Hữu	Minh	Nam	24/08/1997	C510201	02	23	2NT		7.20	1.00	8.20
63	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	31/07/1993	C510201	02	06	3		6.00	0.00	6.00
64	Vũ Công	Minh	Nam	03/09/1997	C510201	26	03	2		6.60	0.50	7.10
65	Ngô Văn	Mùi	Nam	05/09/1991	C510201	02	12	3	03	6.50	2.00	8.50
66	Nguyễn Trà	My	Nữ	01/01/1998	C480201	39	07	2NT		7.10	1.00	8.10
67	Phạm Quốc	Nam	Nam	28/11/1998	C510301	56	03	2NT		7.30	1.00	8.30
68	Lê Cao	Nghị	Nam	15/06/1998	C510205	38	08	1		6.50	1.50	8.00
69	Trần Trung	Nghĩa	Nam	29/10/1997	C510201	49	12	2NT		6.00	1.00	7.00
70	Nguyễn Phú	Ngọc	Nam	01/02/1998	C510205	40	07	1		6.30	1.50	7.80
71	Huỳnh Văn	Nhân	Nam	01/05/1997	C510205	54	01	2		6.70	0.50	7.20
72	Ngô Minh	Nhân	Nam	06/01/1994	C480201	53	04	2NT		5.60	1.00	6.60
73	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	18/03/1996	C540204	59	03	1	01	7.00	3.50	10.50
74	Phú Đại	Phát	Nam	19/10/1998	C510205	47	10	2		6.70	0.50	7.20
75	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	10/06/1997	C510205	02	13	3		7.00	0.00	7.00
76	Phan Phi	Phông	Nam	27/03/1998	C510205	35	02	2NT		6.30	1.00	7.30
77	Lê Hoàng	Phúc	Nam	10/08/1993	C510205	59	01	2		5.90	0.50	6.40

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã tỉnh	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN 12	Tổng điểm UT	Điểm XT
78	Nguyễn Hoài	Phúc	Nam	12/07/1997	C510205	53	01	2		7.60	0.50	8.10
79	Trần Trọng	Phúc	Nam	23/10/1998	C510301	46	05	2NT		7.20	1.00	8.20
80	Lê Trần Minh	Quân	Nam	10/06/1995	C480201	02	03	3		6.10	0.00	6.10
81	Trần Phan Quốc	Quân	Nam	07/12/1997	C480201	02	16	3		6.50	0.00	6.50
82	Trịnh Quốc	Quân	Nam	17/03/1998	C510205	43	09	1		6.50	1.50	8.00
83	Nguyễn Duy	Quang	Nam	05/12/1995	C480201	02	01	3		7.20	0.00	7.20
84	Nguyễn Minh	Quang	Nam	10/01/1997	C510301	37	10	2		5.50	0.50	6.00
85	Nguyễn Đình	Quí	Nam	25/08/1998	C510301	56	02	2NT		6.70	1.00	7.70
86	Phạm Tuấn	Quốc	Nam	12/03/1998	C510205	45	04	2		6.60	0.50	7.10
87	Hoàng Nguyễn	Quý	Nam	12/11/1994	C510301	02	15	3		6.50	0.00	6.50
88	Trần Thái	San	Nam	17/06/1998	C510301	02	15	3		5.90	0.00	5.90
89	Sùng A	Sèn	Nam	30/12/1997	C510205	42	12	1	01	6.00	3.50	9.50
90	Huỳnh Hồng	Sơn	Nam	02/02/1998	C480201	47	08	1	01	7.00	3.50	10.50
91	Ngô Ngọc	Sơn	Nam	05/03/1998	C510205	47	06	2		7.40	0.50	7.90
92	Trần Cao	Sơn	Nam	09/09/1998	C510201	02	20	3		7.10	0.00	7.10
93	Nguyễn Minh	Tài	Nam	11/09/1998	C510201	46	03	1		6.30	1.50	7.80
94	Nguyễn Minh	Tài	Nam	11/09/1998	C480201	46	03	1		6.30	1.50	7.80
95	Nguyễn Chí	Tâm	Nam	30/12/1998	C510205	57	06	2NT		8.20	1.00	9.20
96	Bùi Nhật	Tân	Nam	31/07/1997	C510201	49	12	2NT		6.10	1.00	7.10
97	Trần Minh	Thân	Nam	03/06/1998	C510205	49	15	2		7.30	0.50	7.80
98	Nguyễn Cao	Thắng	Nam	14/08/1984	C510201	02	13	1	01	5.50	3.50	9.00
99	Nguyễn Duy	Thắng	Nam	22/09/1997	C480201	02	22	3		6.00	0.00	6.00
100	Nguyễn Bá	Thanh	Nam	15/10/1996	C510206	02	19	3		5.00	0.00	5.00
101	Phạm Chí	Thanh	Nam	28/08/1993	C510205	43	03	1		7.50	1.50	9.00
102	Huỳnh Chí	Thành	Nam	08/12/1994	C510205	49	13	2NT		5.60	1.00	6.60
103	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	03/02/1997	C510301	21	02	2		7.00	0.50	7.50
104	Bạch Thị Kim	Thảo	Nữ	25/08/1997	C540204	53	08	2NT		8.50	1.00	9.50
105	Trương Minh	Thiện	Nam	11/11/1994	C510205	35	07	2NT		6.50	1.00	7.50
106	Lê Minh	Thịnh	Nam	29/11/1997	C510206	02	19	3		5.50	0.00	5.50
107	Ngô Viết	Thọ	Nam	30/11/1998	C510201	02	14	3	01	7.90	2.00	9.90
108	Nguyễn Đức	Thuận	Nam	24/04/1998	C510201	49	02	2		7.30	0.50	7.80
109	Đỗ Minh	Tiến	Nam	13/09/1995	C480201	02	06	3		6.50	0.00	6.50
110	Lê Duy Thanh	Toàn	Nam	05/10/1998	C510301	45	01	1		6.80	1.50	8.30
111	Trần Quốc	Toàn	Nam	16/11/1994	C510205	37	04	1		6.00	1.50	7.50
112	Hồ Quí	Tộc	Nam	10/11/1995	C480201	41	03	2		6.00	0.50	6.50
113	Lê Văn	Trai	Nam	03/06/1997	C510206	35	07	2NT		5.70	1.00	6.70
114	Lê Văn	Trai	Nam	03/06/1997	C510301	35	07	2NT		5.70	1.00	6.70
115	Lê Đỗ Ngọc	Trâm	Nữ	08/04/1995	C540204	02	19	3		6.50	0.00	6.50
116	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	31/08/1998	C540204	49	13	2NT		7.50	1.00	8.50
117	Thân Văn	Trí	Nam	29/05/1998	C510301	55	07	2		7.20	0.50	7.70
118	Lê Ngọc Tâm Hải	Triều	Nam	18/12/1998	C510206	02	17	3		7.00	0.00	7.00

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã tỉnh	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN 12	Tổng điểm UT	Điểm XT
119	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	Nữ	08/02/1997	C540204	43	09	1		6.30	1.50	7.81
120	Hoàng Văn Nhật	Trình	Nam	01/12/1998	C510205	47	06	2		8.10	0.50	8.60
121	Trần Bình	Trọng	Nam	13/10/1993	C510301	02	21	2		6.50	0.50	7.00
122	Hồ Hoàng	Trung	Nam	10/01/1998	C510205	53	03	3		7.50	0.00	7.50
123	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	07/04/1997	C510201	49	08	2NT		6.50	1.00	7.50
124	Võ Hữu	Trung	Nam	21/07/1996	C510205	35	07	2NT		6.00	1.00	7.00
125	Lê Hùng Hoàng	Tú	Nam	14/05/1995	C480201	02	21	2		6.00	0.50	6.50
126	Lưu Đình Ngọc	Tú	Nam	22/11/1995	C480201	15	05	3		6.50	0.00	6.50
127	Đào Văn	Tuấn	Nam	08/10/1998	C480201	02	20	3		6.60	0.00	6.60
128	Phạm Xuân	Tùng	Nam	28/07/1996	C510205	02	15	3		5.50	0.00	5.50
129	Trần Văn	Tùng	Nam	20/05/1994	C510301	02	21	2		4.50	0.50	5.00
130	Trần Bảo	Tường	Nam	06/08/1995	C510205	40	11	1		5.70	1.50	7.20
131	Trần Đặng Kiều	Uyên	Nữ	17/02/1998	C540204	45	04	2		7.60	0.50	8.10
132	Huỳnh Thị Huyền	Vi	Nữ	01/12/1998	C540204	39	08	2NT		6.40	1.00	7.40
133	Trần Quốc	Việt	Nam	17/10/1998	C510205	02	20	2		6.80	0.50	7.30
134	Nguyễn Mạnh	Vũ	Nam	15/08/1997	C510205	42	03	1		6.00	1.50	7.50
135	Hà Quốc	Vỹ	Nam	25/11/1994	C510205	50	08	2NT		7.50	1.00	8.50
136	Lê Phúc	Vỹ	Nam	21/12/1997	C510206	35	07	3		7.00	0.00	7.00
137	Trương Thanh	Xuân	Nam	05/10/1995	C510201	50	04	2NT	03	6.90	3.00	9.90

Tổng cộng danh sách có: 137 thí sinh

PHÒNG TS- ĐT - GTVL

Thành phố, Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG KIỂM CHỦ TỊCH HĐTS

Nguyễn Văn Tấn